

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004-8 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Tùng	Lâm	3471010175	21/10/1991	,00	,00	,00	Nợ HPC
2	Khổng Minh	Tùng	3471010379	21/04/1992	5,00			
3	Nguyễn Hoàng	Ân	3475010002	04/09/1992	2,00	5,00	4,10	
4	Tô Tuấn	Anh	3475010009	04/10/1992	,00	,00	,00	Nợ HPC
5	Tôn Thất Hoàng	Minh	3475010154	31/12/1992	,00	,00	,00	CT
6	Nguyễn Công	Nguyễn	3475010176	18/09/1992	5,00	5,00	5,00	
7	Nguyễn Hữu	Phúc	3475010199	01/03/1992	,00	,00	,00	CT
8	Trần Hữu	Phúc	3475010200	22/06/1990	8,50	7,50	7,80	
9	Đỗ Hoàng	Long	3475050019	20/09/1992	7,50	6,50	6,80	
10	Cao Quốc	Trung	3475050038	01/02/1991	,00	,00	,00	Nợ HPC
11	Trần Quốc	Thịnh	3571010050	06/02/1993	8,00	7,30	7,50	
12	Trần	Nhon	3571010246	02/08/1993	7,00	6,30	6,50	
13	Ngô Trọng	Nhân	3571010575	02/08/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
14	Phan Thanh	Được	3571010709	26/09/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
15	Nguyễn Hoàng	Hải	3571010743	21/06/1993	1,00	4,00	3,10	
16	Kiều Đình	Dũng	3571011347	09/10/1993	,00			Nợ HP
17	Đặng Duy	Thiện	3571011455	18/08/1993	5,00	4,80	4,90	
18	Trịnh Hoài	Sơn	3571011511	30/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
19	Nguyễn Minh	Công	3571011771	24/09/1991	,00	,00	,00	Nợ HPC
20	Nguyễn Phan Tấn	Tài	3574010518	26/12/1993	1,00	5,80	4,40	
21	Lê Quyết	Sang	3575010015	22/06/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
22	Bùi Xuân	Hiệp	3575010206	02/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
23	Phùng Minh	Cảnh	3575010613	06/05/1992	5,00	,50	1,90	
24	Nguyễn Văn	Bằng	3575010683	22/01/1993	5,00	4,30	4,50	
25	Nguyễn Duy	Vinh	3575010699	26/06/1993	,00	,00	,00	CT
26	Ngô Chí	Thanh	3575010759	25/02/1993	10,00	8,00	8,60	
27	Phan Văn	Lệ	3575010999	05/09/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
28	Nguyễn Thanh	Tú	3575011131	01/01/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
29	Nguyễn Nhất	Di	3575030667	02/12/1992	5,00	4,50	4,70	
30	Trương Văn	Trường	3575031198	03/09/1993	,00	,00	,00	CT
31	Nguyễn Tổng	Nam	3575031605	01/02/1993	5,00	3,30	3,80	
32	Võ Đình	Bảo	3575031774	18/03/1993	6,00	2,50	3,60	
33	Trương Thanh	Trường	3575031775	10/06/1993	6,00			
34	Bùi Quang	Chiến	3671030038	19/05/1994	5,00	4,30	4,50	
35	Nguyễn Xuân	Kiệt	3671030074	11/04/1994	10,00	3,50	5,50	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Hoàng	Long	3671030105	22/12/1994	5,00	3,00	3,60	
37	Nguyễn Thanh	Trọng	3671030116	02/11/1994	1,00			
38	Trần Thanh	Tân	3671030342	26/01/1994	5,00	4,00	4,30	
39	Nguyễn Quỳnh	Khôi	3671030345	10/08/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
40	Lê Minh	Hải	3671030351	24/11/1993	6,00	4,50	5,00	
41	Nguyễn Trung	Kiên	3671030451	14/03/1993	7,00	7,80	7,60	
42	Lê Anh	Tuấn	3671030474	12/09/1993	8,50	6,80	7,30	
43	Lâm Đỗ Đình	Quang	3671030500	24/07/1994	2,00	6,50	5,20	
44	Bùi Nguyễn	Tĩnh	3671030524	15/02/1993	8,00	5,80	6,50	
45	Nguyễn Tuấn	Kiệt	3671030529	22/09/1994	6,00	5,00	5,30	
46	Lương Xuân	Dũng	3671030530	03/08/1993	7,00	5,00	5,60	Nợ HP
47	Lê Nhật	Long	3671030543	18/10/1994	8,00	3,80	5,10	Nợ HP
48	Nguyễn Văn	Tài	3671030551	18/09/1994	8,00	7,00	7,30	
49	Nguyễn Hữu	Lành	3671030558	02/04/1992	7,00	3,00	4,20	Nợ HP
50	Nguyễn Bá	Nhuận	3671030563	23/03/1994	10,00	1,50	4,10	
51	Phạm Văn	Bình	3671030591	23/02/1994	10,00	6,00	7,20	
52	Võ Văn	Quang	3671030662	01/01/1993	7,00	7,00	7,00	
53	Nguyễn Minh	Dũng	3671030672	20/08/1990	5,00	5,00	5,00	
54	Trần Thế	Thường	3671030792	19/03/1994	5,00	4,80	4,90	
55	Nguyễn Ngọc	Hiếu	3671030861	12/10/1993	1,00	2,50	2,10	
56	Ngô Văn	Trung	3671030873	07/11/1994	7,00	5,50	6,00	
57	Nguyễn Văn	Ngoan	3671030887	17/04/1994	,00	,00	,00	CT
58	Võ Minh	Hoàng	3671030896	02/09/1994	5,00	6,00	5,70	
59	Trần Văn	Phúc	3671030924	28/06/1994	9,00	5,00	6,20	
60	Đình Văn	Đức	3671030928	05/05/1992	1,00			
61	Nguyễn Minh	Luân	3671030978	03/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
62	Nguyễn Văn	Diệp	3671030984	20/07/1994	5,00	5,80	5,60	
63	Thiều Văn	Hưng	3671031037	19/08/1991	1,00	3,00	2,40	
64	Nguyễn Ngọc	Tuấn	3671031052	01/11/1994	9,00	5,00	6,20	
65	Hoàng Minh	Phong	3671031058	04/12/1994	10,00	5,80	7,10	
66	Đào Tấn	Quân	3671031126	12/06/1994	5,00	5,30	5,20	
67	Nguyễn Khắc Nguyên	Khang	3671031154	14/03/1993	5,00	4,00	4,30	
68	Đỗ Tấn	Ý	3671031175	19/01/1993	6,50	5,00	5,50	
69	Hà Quang	Duy	3671031187	27/07/1994	5,00	2,00	2,90	
70	Lê Quang	Cầu	3671031212	18/10/1994	7,00	8,00	7,70	
71	Nguyễn Hải	Nam	3671031233	02/10/1994	,50	4,00	3,00	
72	Trần Thanh	Trường	3671031534	03/04/1994	5,00	5,50	5,40	
73	Lê Văn	Cao	3671032036	04/04/1993	10,00	6,50	7,60	
74	Nguyễn Đức	Tĩnh	3671032050	29/07/1994	5,00	2,00	2,90	
75	Trần Quang	Trung	3671040147	01/06/1993	5,00	3,00	3,60	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Hoàng Văn	Trình	3671040455	22/02/1993	5,00	4,30	4,50	
77	Lê Minh	Mẫn	3671040482	16/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
78	Trần Đức	Nhật	3671040495	25/10/1994	9,50	4,80	6,20	
79	Lương Hoàng Phước	Trần	3671040499	19/01/1993	5,00	2,80	3,50	
80	Nguyễn Hữu	Tùng	3671040528	10/12/1993	5,00	6,80	6,30	
81	Nguyễn Hoàng	Châu	3671040546	12/06/1994	,00	,00	,00	CT
82	Nguyễn Đình	Chung	3671040622	02/10/1994	5,00	5,30	5,20	
83	Hà Thanh	Thời	3671040907	06/06/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
84	Lê Công	Triệu	3671040959	14/05/1994	7,00	8,00	7,70	
85	Bùi Tuấn	Nhon	3671040995	10/05/1993	5,00	2,80	3,50	
86	Huỳnh Duy	Nhất	3671040999	10/02/1993	5,00	5,80	5,60	
87	Đoàn Tuấn	Khải	3671041003	17/05/1994	2,00	4,00	3,40	
88	Nguyễn Tú	Đông	3671041006	11/10/1994	5,00	5,00	5,00	
89	Lê Công	Đức	3671041035	06/11/1994	2,00	,50	1,00	
90	Huỳnh Tấn	An	3671041107	12/10/1993	6,00	7,30	6,90	
91	Trần Quang	Dũng	3671041132	27/12/1993	7,00	3,50	4,60	
92	Nguyễn Thành	Trọng	3671041139	02/07/1994	9,50	6,30	7,30	
93	Phan Sỹ	Tú	3671041202	28/02/1994	7,00	3,80	4,80	
94	Hoàng Văn	Đức	3671041496	13/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
95	Trần Văn	Nam	3671041519	31/08/1994	6,00	6,50	6,40	
96	Nguyễn Thanh	Quân	3671041647	21/03/1994	3,00	2,50	2,70	
97	Hoàng Minh	Tài	3671041856	20/08/1994	5,00	5,50	5,40	
98	Nguyễn Văn	Hiếu	3671041923	02/06/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
99	Nguyễn Sỹ	Vũ	3671041951	17/03/1992	8,00	7,50	7,70	
100	Ngô Hữu Thiên	Phương	3671041984	04/12/1994	8,00	4,50	5,60	
101	Võ Thành	Uyên	3671041985	10/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
102	Trương Quốc	Quân	3671042041	05/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
103	Bùi Minh	Thành	3671050169	12/06/1992	6,00	1,50	2,90	
104	Cao Quang	Sinh	3671050513	21/07/1992	3,00	5,00	4,40	
105	Đỗ Ngọc	Hùng	3671051153	24/05/1993	2,00	1,50	1,70	
106	Nguyễn Minh	Đoàn	3671051644	16/09/1993	5,00	3,00	3,60	
107	Nguyễn Thanh	Hải	3671051678	24/08/1994	5,00	1,30	2,40	
108	Lê Vũ Khôi	Dương	3671051832	20/10/1994	5,00	1,50	2,60	
109	Huỳnh Công	Toại	3671051910	11/06/1994	7,00	5,00	5,60	
110	Hồ Thị Biên	Thùy	3671051975	29/09/1994	5,00	5,50	5,40	
111	Nguyễn Tấn	Tài	3672050651	07/12/1994	1,00	4,00	3,10	
112	Ngô Việt	Đức	3672051098	14/11/1994	2,00			

Học phần : 0671004-8 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên	MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
				Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)